

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST

Ngày 03-7-2018

“V/v tranh chấp hợp đồng

dân sự mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú;

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Cầm Văn Nam

Bà Nguyễn Thị Kim Huế

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2017/TLST-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đồng Văn T, sinh năm 1967; trú tại: Số X, đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn L; sinh năm 1965; bà Trần Thị L, sinh năm 1974; cùng trú tại: Tổ F, Phường Y, thành phố B, Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2017 và các lời khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đồng Văn T trình bày: Giữa ông T và ông Nguyễn L, bà Trần Thị L có hợp đồng mua bán cá heo. Ngày 13/9/2017 hai bên chốt nợ, theo đó ông L, bà L còn nợ tiền mua cá heo của ông T là 106.330.000đ (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng). Ông T đòi nhiều lần nhưng ông L, bà L không trả, do vậy ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông L, bà L phải trả cho ông số tiền mua cá heo còn thiếu là 106.330.000đ (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng). Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/5/2018 ông L và bà L trình bày: Ông bà thừa nhận có mua cám của ông T còn thiếu số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, chăn nuôi heo không hiệu quả nên ông bà yêu cầu được trả dần. Ông L, bà L đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định tại điều 48 và Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L, bà L phải trả cho nguyên đơn số tiền 106.330.000đ (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua cám heo còn thiếu là 106.330.000đ (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng). thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giữa ông T và ông L, bà L thỏa thuận mua bán cám heo, thời gian qua giá heo giảm thấp, người chăn nuôi bị thua lỗ nên ông L, bà L không thanh toán tiền mua cám còn thiếu cho ông T được. Nay ông T yêu cầu ông L, bà L thanh toán cho ông tiền mua cám còn thiếu là 106.330.000đ (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm ba mươi

ngàn đồng) là có cơ sở chấp nhận, cần buộc ông L, bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho ông T. Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng chỉ nợ nguyên đơn số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) là không có cơ sở bởi tại hợp đồng mua bán cám hai bên chốt nợ đến ngày 13/9/2017 ông L, bà L còn nợ ông T số tiền 106.330.000đ (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

[4]. Về án phí: Buộc ông L, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1/ Buộc ông **Nguyễn L** và bà **Trần Thị L** có nghĩa vụ trả (thanh toán) cho ông **Đông Văn T** số tiền 106.330.000đ (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

2/ Về án phí: Ông L, bà L phải chịu 5.316.500đ (năm triệu ba trăm mười sáu ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí 2.658.000đ (hai triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002091 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3/ Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND T.P B;
- + T.H.A.D.S TP. Bc;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- + Lưu hồ sơ.

Trịnh Đình Tú

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đình Tú

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. BẢO LỘC – LÂM ĐỒNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cầm Văn Nam

Bà Nguyễn Thị Kim Huế

Vào lúc giờ ngày 03 tháng 7 năm 2016. Đã tiến hành nghị án hồ sơ thụ lý số: 121/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017, về việc “ tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” giữa ông Tuấn và ông Linh, bà Lương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án HĐXX thảo luận và quyết định các vấn đề sau:

1/ Về quan hệ tranh chấp:

+ ý kiến của Hội thẩm nhân dân: “tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản”

+ ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến của các HTND.

Biểu quyết: 3/3.

2/ Về áp dụng pháp luật:

+ ý kiến của Hội thẩm nhân dân: Áp dụng Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

+ ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến của các HTND.

Biểu quyết: 3/3.

3/ Về nội dung: + ý kiến của Hội thẩm nhân dân: Buộc ông **Nguyễn Linh** và bà **Trần Thị L** có nghĩa vụ trả (thanh toán) cho ông **Đông Văn T** số tiền 106.330.000đ (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

+ ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến của các HTND.

Biểu quyết: 3/3.

4/ Án phí :

+ ý kiến của các Hội thẩm nhân dân: Ông Linh, bà Lương phải chịu 5.316.500đ (năm triệu ba trăm mười sáu ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Tuấn số tiền tạm ứng án phí 2.658.000đ (hai triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002091 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

+ ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến của các HTND.

Biểu quyết: 3/3.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra các đương sự còn có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ ngày 03 tháng 7 năm 2018, các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận nội dung đã quyết định.

Hội đồng xét xử

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Đình Tú.

